

**XIN LƯU Ý:
ĐÂY CHỈ LÀ BẢN CHÉP NHÁP
CHƯA ĐƯỢC SỬ GIÁC NGUYÊN HIỆU ĐỈNH.
QUÝ PHẬT TỬ TẠM THỜI CÓ THỂ DÙNG LÀM
TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU CHO RIÊNG MÌNH.
XIN TRÁNH IN ẤN PHỔ BIẾN.**

Kinh Trung Bộ số 008

[14/04/2023 - 06:01 - nguoiivosu123]

Bài kinh tiếp theo mà chúng ta bàn đến đó là, tiếng Phạn là Sallekha, còn ngài Minh Châu dịch là kinh Đoạn Giảm. Kinh Đoạn Giảm thì chúng ta có thể gỡ chánh kinh ra để xem. Có lẽ đây là một trong những bài kinh từ Chánh kinh cho đến số giải, hầu như không có sai biệt nhiều. Cũng xin nêu rõ, sai biệt ở đây không ở đây không phải là trật đúng mà sai biệt ở đây có nhiều bài kinh, phần giải thích rất là rộng so với Chánh kinh. Riêng bài kinh Đoạn Giảm này chúng ta có xem trong số hay xem trong Chánh tạng do đức Phật thuyết, các Ngài A La Hán thì không có gì bàn thêm, các vị chỉ nhắc ý đức Phật thôi chứ không có bàn thêm. Vì ở trong nhiều trường hợp, có những bài chánh kinh mà các vị xét thấy rằng. Các vị A La Hán xét thấy rằng cần thiết phải bàn sâu, giải rộng thêm nữa vì bản thân chánh kinh đã quá rộng, quá đủ rồi thì trong trường hợp coi như là giữa chánh kinh và số giải hoàn toàn trùng lặp. Đó cũng là trường hợp của bài kinh số 8 này.

Kính thưa quý vị, trước khi đức Phật Niết bàn khoảng một hai đêm thì đức Phật liên tục trên con đường từ thành Vesāli đi về Kusinagar, Ngài liên tục thuyết pháp cho chư Tăng nghe, chư Tăng đây là 500 vị Tỳ kheo đi bên cạnh Ngài. và trong thời giảng cho chư Tăng, Ngài liên tục nhắc nhớ một điều đó là khi Ngài không có nữa thì hãy lấy Chánh Pháp làm thầy. Và điều chánh pháp mà Ngài nói ở đây trước hết đó là giới luật, sau đó là 37 pháp trợ Bồ Đề. Đó là tất cả những gì Ngài đã thực hành, chứng đắc và thuyết giảng trong suốt 45 năm hoàng pháp. Các vị có thể xem lại điều này trong kinh Đại Bát Niết Bàn của Trường Bộ kinh thì các vị sẽ thấy rõ.

Một lần khác thì có một vị thiên nhân đi đến gặp Đức Phật để nghe pháp thì khi đức Thế Tôn so sánh giáo pháp của ngài với đại dương thì ngài có xác nhận một điều là chánh pháp của ta giống như biển lớn. Biển lớn dù có sâu cách mấy thì biển lớn cũng chỉ có một vị duy nhất đó là vị mặn thôi, giáo pháp của ta đâu có giảng sâu giảng rộng cách mấy đi nữa thì cũng chỉ có một hương vị duy nhất, đó là hương vị giải thoát mà thôi. Trước khi đi vào buổi giảng mà phải đi một vòng như vậy là bởi vì ở bài kinh Đoạn Giảm này, chúng ta sẽ bắt gặp gần như toàn bộ nội dung Phật pháp mà đức Phật đã gởi gắm, đã ký thác vào trong đó.

Duyên khởi bài kinh là một lần nạn đức Thế Tôn ngụ tại chùa Kỳ Viên, thành Sāvattihī (xá - vệ) thì ngài trưởng lão Maha Cunda, cũng là một trong những trưởng lão nổi tiếng thời Đức Phật thì ngài đến bạch hỏi Thế Tôn một vấn đề như sau:

- Bạch Thế Tôn, có thể nào đối với tất cả Ngã Chấp, những Tà Kiến liên hệ về cái Tôi, của Tôi, chúng con có thể dùng một cái suy tư nào để mà chấm dứt, để mà đoạn trừ hay không? Có lẽ quý vị Phật tử nghe sơ qua câu hỏi này thì có một số người nghĩ rằng mình đã nắm bắt được vấn đề. Có một số vị nghĩ rằng câu hỏi quá là khô khan. Bởi vì chính câu hỏi đó của ngài Maha Cunda đã là tiền đề, đã là mốc khởi đầu để đức Thế Tôn thuyết giảng đoạn kinh Đoạn Giảm này.

Kính thưa quý vị, các vị cũng không quên một điều là cứu cánh trong tu học này chính là thành tựu chánh trí, chứng ngộ Niết bàn. Và thành tựu chánh trí ở đây chính là chứng ngộ các tầng thánh: sơ quả, nhị quả, tam quả, tứ quả hay còn gọi những tên gọi khác đó là bậc thánh Tu Đà Hàm, bậc thánh A Na Hàm và bậc thánh A La Hán. Thì một vị chứng ngộ tầng thánh nhân thấp nhất đó là tầng thánh Tu Đà Hoàn thì vị này phải đoạn trừ 3 phiền não được xem là quan trọng, nền tảng cho tất cả các phiền não khác, đó là: thân kiến, hoài nghi và giới cấm thủ. Điều này chúng tôi nghĩ rằng các vị Phật tử đã nghe nhiều, đọc nhiều nhưng là vì nhắc đến bài kinh này thì chúng ta bắt buộc phải ôn lại một chút xíu. (6:10)

[08/05/2023 - 05:35 - nguoiivosu123]

Một vị chứng ngộ tầng thánh nhân thấp nhất đó là tầng thánh Tu Đà Hoàn thì vị này phải đoạn trừ ba phiền não được xem là quan trọng và nền tảng cho các phiền não khác, đó thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ. Điều này chúng tôi nghĩ rằng quý Phật tử đã nghe nhiều, đọc nhiều nhưng vì nhắc đến bài kinh này thì bắt buộc chúng ta phải ôn lại một chút xíu.

Thân kiến chính là sự chấp thủ cho rằng danh sắc hay ngũ uẩn hay phân thân tâm cùng với hình hài này là của tôi, là của người khác. Thí dụ như một người kia có được chánh trí nhưng mà chưa có học được về chánh pháp thì họ không thể nào họ sống mà nằm ngoài, tách rời suy nghĩ đó. “Tôi vui quá!” người ta làm cho tôi vui, “Tôi giận quá!” người ta làm cho tôi giận, người ta lấy đồ của tôi, người ta đem đồ tặng cho tôi, người ta làm cho tôi vui, người ta làm cho tôi buồn, tôi thương người ta, tôi giận người ta, tôi ghét người ta, tôi muốn nhìn thấy người ta, tôi không muốn nhìn thấy người ta... thì đó là tất cả những gì mà nó tạo nên đời sống của chúng ta. Đời sống của một người tu không thể nào có tách rời được tất cả những suy nghĩ mà chúng tôi vừa trích dẫn khi nãy, yêu hay là ghét, đối kháng hay là chấp nhận thì hoàn toàn chúng ta không thể nằm ra khỏi vòng lẩn quẩn của cái chấp thủ đó. Cho nên cái điều kiên quyết của một vị thánh đệ tử của tầng thấp nhất đó là Tu Đà Hoàn thì phải chấp dứt được: Thân kiến, hoài nghi và giới cấm thủ.

Tầm quan trọng cực kỳ của cái ngã kiến, này là thân kiến, cho nên ngài Maha Cunda đã thưa với đức Phật rằng “có thể bằng một dòng tư tưởng nào, suy nghĩ nào, bằng suy tư nào thì chúng con đoạn trừ được ngã kiến thì đức Phật từng bước từng bước Ngài nêu rõ con đường dẫn đến sự đoạn trừ ngã kiến đó. Như chúng tôi vừa trình bày, dù bài kinh A hay bài kinh B, bài kinh Trương Ung, Tăng Chi, Tiểu Bộ, Trường Bộ, Trung Bộ, bài kinh ở đâu thì lời Phật ở đâu cũng một nội dung là dẫn đến con đường giải thoát là xả ly tất cả phiền não mà dẫn đầu trong đó là ngã kiến. Tất cả những cái tham, cái sân, cái si của chúng ta nó đều đi ra từ cái chúng ta hiểu sai. Chúng ta cho rằng có tôi, cái ta nên mới ra trăm thứ rắc rối cho cuộc đời này. Chúng tôi cũng xin nhắc lại một phần nội dung của bài kinh Đế Thích Sở Vấn khi mà thiên chủ Đế Thích hỏi Thế Tôn: “Vì sao chúng sinh trong đời này: Vua chúa, Sa-môn, Bà-la-môn, cha mẹ, con cái trong thế gian này có những hiềm khích, có những đấu đá, có những dằn xé, đay đọa lẫn nhau thì đức Phật nói rằng: “Tất cả những rắc rối trong cuộc đời này giữa chúng sinh với chúng sinh thì nó khởi lên từ hai phiền não, đó là ganh tỵ và bòn xén. Cái ganh tỵ thì nó cũng là hình thức của lòng ích kỷ, không muốn cho người khác được tốt đẹp như mình, bằng mình hoặc hơn mình thì mình không có muốn. Cái bòn xén là mình không muốn chia sẻ, không muốn cho ra bất cứ cái gì mà mình có, dầu là vật chất hay tinh thần thì trong trường hợp đó gọi là bòn xén. Cả hai pháp ganh tỵ và bòn xén vốn được xem là cội nguồn cho tất cả những cuộc đấu tranh, giành giật trên cuộc đời này, nó cả hai phiền não đó đều đi ra từ ngã kiến. Chính chỗ này nên ngài Maha Cunda, ngài mới bạch hỏi Thế Tôn về câu hỏi mà chúng tôi vừa nêu. Chúng tôi cũng hi vọng khi mà vào nghe buổi giảng Trung Bộ. Nếu được cho phép thì quý vị bày ra quyền chánh kinh trước mặt mình để quý vị có thể kiểm tra. Vì ở đây chúng tôi không có các bản in chúng tôi mang theo, nhưng mà chúng tôi may mắn có được. Mỗi lần cần giảng thì chúng tôi vào cái trang web của thầy Bình An Sơn hoặc thầy Nhật Từ. Chúng tôi vào trong đó rồi chúng tôi mở lớn ra nên vừa giảng vừa liếc mắt nhìn trên đó. Còn phần sơ giải thì chúng tôi xem trước, chẳng hạn hôm nay thì xen kẽ chút thì cũng liếc mắt xem các vị A La hán giải thích sao cho bài kinh này. Sau khi mình liếc mắt thì thấy phần sơ và phần chánh kinh không có điểm gì sai biệt, dẫn đến sai biệt, không có gì sai khác với nhau nhiều lắm thì chúng tôi mới mới đi vào Zoom, đó cũng là lý do chúng tôi đi vào trong zoon trẻ.

Có một điều rất là quan trọng ở bài kinh Đoạn Giảm này, ngài Maha Cunda bạch hỏi đức Thế Tôn, nói chung là nói nôm na khởi nhắc lại nguyên văn chánh kinh. Ngài hỏi đức Thế Tôn về “Con đường chấp dứt các ngã kiến” thì đức Thế Tôn mới dạy một cách thú lỏp rằng “Đạo lộ dẫn đến đoạn trừ ngã kiến, không có con đường nào nằm ngoài ra đạo lộ Chỉ quán song tu”. Chỉ quán song tu ở đây là gì? Tức là tu thiền chỉ để chứng đắc các tầng thiền định rồi từ đó, lấy đó làm nền tảng cho thiền quán của mình. Đối với một người không có túc duyên quá khứ thì nghe như vậy lấy làm bối rối thì phải nói rằng chúng ta ngồi xếp bằng có người ngồi được hai tiếng, ba tiếng đã là một chuyện kỳ công rồi, chứ đừng nói chi là đắc sơ, nhị, tam, tứ thiền. Riêng theo nội dung của bài kinh này thì đức Thế Tôn ngài đưa ra một đạo lộ hãn hoi thì chúng ta có thể gọi một cách vắn tắt đó là ba pháp vô lậu học – Đó giới học, định học, tuệ học. Chúng ta xem, dò theo chánh kinh dần dần xuống dưới thì chúng ta sẽ thấy đức Thế Tôn từng bước nêu rõ con đường Bát Chánh Đạo thì chúng tôi quyết định gom tất cả nội dung đó lại để vào ba pháp đó Giới, Định, Tuệ, kể gọn hơn nữa là Đạo Đệ theo tinh thần Phật giáo Nguyên Thủy. Đạo đệ chính là Bát Chánh Đạo. Mà Bát Chánh Đạo là một tên gọi khác của ba pháp vô lậu học: Chánh Kiến, Chánh Tư Duy thuộc về Tuệ học, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng thuộc về giới học và toàn bộ còn lại được các ngài xếp vào Định học. Đó là cách kể thiên ... nếu chúng ta thấy rõ trong đó thì mỗi một chánh đạo, mỗi một chi Bát Chánh Đạo chuyên chở một nội dung gần như là bao hàm những chánh đạo còn lại. Như một người đạt được chánh kiến toàn mãn, trọn vẹn, không khiếm khuyết thì cũng có nghĩa rằng người đó tu tập trọn vẹn Bát Chánh Đạo. Mỗi người tu tập trọn vẹn chánh tư duy thì cũng có nghĩa là người đó tu tập trọn vẹn Bát (Tám) Thánh Đạo. Cũng như vậy, các chi của chánh đạo còn lại: Chánh ngữ, chánh mạng cũng như vậy. Có thể chúng ta có những hiểu lầm, hiểu không tới một chỗ là có nghĩa là chánh ngữ chỉ là gói gọn trong Chánh Ngữ mà thôi chứ không có đi xa hơn. Nhưng mà chúng ta thử xem lại bộ ??? Tức là Tạng cuốn 31 thì chúng ta thấy rằng ở một vị hành giả hoặc một vị tỳ kheo tu tập hoàn mãn, trọn vẹn được Chánh Ngữ thôi thì điều đó cũng có nghĩa là vị đó tu tập cả Bát Chánh Đạo. Bởi vì không thể nào một người bỏ rơi những thánh đạo còn lại mà có thể hoàn tất, hoàn mãn được cái gọi là Chánh Ngữ. Bởi vì các vị cũng còn nhớ chánh ngữ nói hẹp là không nói dối, không nói đâm thọc, không nói độc ác, không nói phiếm luận vô ích, đó là nói hẹp, Nhưng mà nói rộng tức là những ngôn ngữ nào mà dẫn đến Bát Chánh Đạo, ngôn ngữ nào là Bát Chánh Đạo, ngôn ngữ nào có nội dung là Chánh trí, giải thoát thì cách ăn nói đó được gọi là Chánh Ngữ.

Các vị cứ tưởng tượng “tâm ưa trung xuất hình kỳ ưa ngoại. Tâm mình như thế nào đó thì mình mới có được một cõi ngôn ngữ như vậy. Ở đây chúng tôi nghĩ rằng các vị cũng không có nhắc đến trường hợp có người dùng đến 6 ngữ: Miệng nói như vậy nhưng trong bụng không có như vậy. Trường hợp không có kể ra đây. Nhưng đã nói tu tập hoàn mãn, trọn vẹn chánh ngữ, tu tập hoàn mãn, trọn vẹn chánh nghiệp thôi thì cũng có nghĩa là người đó tu tập trọn vẹn Bát Chánh Đạo. và con đường duy nhất dẫn đến sự đoạn trừ ngã kiến hay nói một cách khác là con đường duy nhất dẫn đến sự thành tựu chánh trí, tức là trở thành một bậc thánh nhân thì phải là tu tập Bát Chánh Đạo và đức Phật cũng nói rõ, cũng dạy rõ chúng ta đang nhắc đến bài kinh Đoạn Giảm thì Ngài dạy rằng từ một vị Tỳ Kheo chỉ là chứng đắc Sơ thiền thôi thì cũng đang trên con đường đi đến cái thiện trọn vẹn, cái hạnh đoạn giảm. Tại sao đức Phật lại dạy như vậy thì chắc chắn quý vị Phật tử ở đây không quên một điều hết sức quan trọng đó “Không ai trên cuộc đời này có thể chứng đắc được sơ thiền nếu như không dần xếp được năm triền cái: đó là tham dục, sân độc, si, hoài nghi trạo hối. Nếu một người không có dần xếp. Chữ dần xếp ở đây đó là chúng tôi nói theo ngôn ngữ của mình bây giờ, chứ trong kinh nói rõ là “???” là đoạn trừ, có năm cách đoạn trừ. Cách thứ nhất là ??? – Phiền não đó, triền cái đó xuất hiện trong lòng mình lúc nào thì mình ghi nhận, biết rõ, nhận diện ra khuôn mặt của nó thì nó lập tức nó biến mất. Rồi tạm thời mình đè nó chút xíu thì lát nó lại xuất hiện thì khi đó chúng ta lại nhận diện nó để nó lại biến mất thì cách đó gọi là ???, Nó đến lúc nào thì đối diện với nó lúc đó thì dĩ nhiên căn cội vẫn nằm đó chưa được giải quyết triệt để, gọi là Tạm thời, đoạn trừ nhưng mà tạm thời.

Cách thứ hai, ... đoạn trừ có nghĩa là mình đè nén nó, đè nén nó bằng sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, ngũ thiền sắc giới hoặc các tầng thiền Vô Sắc. Trong trường hợp dùng các tầng thiền đè nén các phiền não thì được gọi là Đối với một vị hành giả muốn chứng được sơ thiền thì trước

hết vị này có giới luật thanh tịnh, nếu chưa trải qua một ngày nào giữ gìn giới luật cả thì tối thiểu ngay trước khi chứng ngộ sơ thiên thì bản thân vị này cũng có sự thanh tịnh về ba nghiệp. Lấy nền tảng đó mới có thể chứng ngộ được sơ thiên. Chứ đừng nghĩ sơ thiên dễ chứng, không phải. Chúng ta phải dần xếp nội tâm của mình. Ngày nào mình còn ham muốn ăn ngon, mặc đẹp, ngủ giường êm, nệm ấm thì ngày đó chắc chắn rằng tham dục, sân độc còn đầy ấp, đầy ú trong nội tâm chúng ta. Trong một nội tâm như vậy thì không thể nào chứng đạt được sơ thiên. Ở đây chúng tôi nghĩ rằng nên kể, do hơi ngắn nhưng chúng tôi nghĩ rằng cần thiết.

Đó là vào thời đức Thế Tôn còn tại thế có một vị quan đại thần rất nổi tiếng là giàu có. Ông có nuôi một cô vũ nữ mà ông rất là thương mến, cưng chiều. Ông thương cô này giống như vua Vũ Hán thương Triệu Phi Yến có gót chân sen thì ông quan đại thần này ông thương cô vũ nữ này, ông nuôi trong nhà, ông thương chỗ cô có cái eo nhỏ, mỗi lần cô khiêu vũ, cô lắc nó đẹp. Phải kể rõ như vậy, vì nó là chỗ quan trọng đây. Cô này vì biết ông quan đại thần thương mình, quý mình, nuôi mình chỉ vì cái eo của mình thôi, cho nên cô không dám ăn nhiều. Ăn nhiều thì mình múa không còn đẹp, cái hông nở ra mà cái eo mất đi thì như vậy mình không được ông thương mến, sủng ái nữa. Giống như mình bây giờ nghĩ mình là ... tức là kiên khiêm. Khổ một nỗi, thời đó làm gì có bác sĩ riêng cố vấn cho mình trong cái chuyện Cô chỉ ... theo cách nghĩ của cô, tức là mình muốn giữ cái eo, không nẩy nở vòng eo, vòng bụng thì tốt nhất là nhịn ăn. Mà cô nhịn quá đi, nhịn quá mức, quá chón cho nên cô ta bị suy nhược, gọi là suy nhược cấp 1 đó: thiếu máu, thiếu các sinh tố rồi các dưỡng tố trong người cô thiếu hẳn cho nên lúc cô xoay người cô múa như vậy thì cô lăn đùng ra cô chết. Khi nói thì quý vị cũng biết là một món đồ mình thương, mình mến mà mất thì mình còn đau đớn, huống chi là một con người, một cái hoa biết nói cho nên vị quan đại thần đau khổ quá, chịu không nổi. Ông ta rất là đau đớn, ông ta không thể nào ngồi yên được, ông ta cứ leo lên lưng voi, ông ta đi chỗ này, chỗ kia thì ông mới biết rằng sự có mặt của cô vũ nữ này là cần thiết và đời ông ta không thể thiếu được cô này. Ông mặt mũi tèm lem nước mắt, nước mũi thì lúc đó đức Thế Tôn cùng với chư Tăng đang đi trên đường, nhìn thấy ông như vậy, đức Thế Tôn mới thuyết lên một câu kệ, đại ý là nội dung khuyên từ bỏ suy nghĩ đó đi, từ bỏ lòng ái luyến đó đi, cái gì trên đời này cũng đều vô thường. Chính vì lòng thương yêu mới xin ra phiền muộn, thương yêu mới sinh ra lo sợ. Đối với ai không còn chỗ thương yêu thì người đó sẽ không còn lo âu, không còn sự sầu muộn. Giảng xong, như vậy, lòng ông ngay lúc đó lắng xuống, rồi ông chứng quả A La Hán. Trước ông là người sống hưởng thụ: rượu thịt, mỹ nữ rồi ca hát xướng lung tung. Nhưng trước khi ông trở thành một vị thánh A La Hán, một điều kiên quyết là ông phải có Ba La Mật nhiều đời nhiều kiếp, cái chuyện này thì chắc chắn có rồi, nhưng trong hiện tại, trước khi ông đắc quả, ông phải trải, ông phải được nghe pháp, lòng ông mới lắng xuống thì từ đó ông mới phát triển tuệ quán Tứ Niệm Xứ và ông chứng quả A La Hán.

Và như hôm qua chúng tôi có kể lại giai thoại của ông Bahiya. Ông thỉnh đức Phật thuyết pháp cho ông trong lúc này Ngài đi khát thực. Và đức Phật, lúc nào Ngài cũng nói đạo được, nhưng lúc đó Ngài từ chối, Ngài từ chối ba lần để chi? Để tâm ông relax, tìm chút quân bình. Khi mà có sự quân bình, một sự thư giãn rồi thì ông mới có thể tiếp nhận được lời giảng của đức Thế Tôn. Cho nên ở trong lý thuyết Phật giáo thì một người muốn chứng được Thiên Định ở mức thấp nhất, là Sơ Thiên, thì trước hết phải dần xếp được nội tâm của mình đối với phiền não thô thiển, nặng nề, trước mắt như tham dục, sân độc. Cái đó rất là quan trọng. Đó chính là con đường đoạn giảm, con đường chấm dứt phiền não, chấm dứt tử sinh. Nên chúng ta có thể, bây giờ chúng ta không có may mắn gặp được đức Phật, không gặp các bậc thánh Tăng, không gặp được những người có thần thông, có đạo quả nhưng chúng ta có thể tự kiểm soát và đặt hi vọng ít nhiều vào kết quả tu chứng của mình, căn cứ trên số lượng bộc phát mạnh yếu của phiền não bản thân. Tuy nhiên, khả năng nhận xét bản thân mình một cách chính xác thì nó không phải là chuyện đơn giản. Tuy nhiên, chúng ta cũng biết một nguyên tắc căn bản đó là khi nào mình còn quá nhiều những thứ phiền não nặng nề như tham dục, sân độc, hoài nghi, trạo hối thì không cách chi mà chúng ta chứng đắc được các tầng thiên định.

Tham dục là gì? Là tham sống hưởng thụ những gì thuộc về đời sống vật chất từ đời sống nam nữ, từ chuyện ăn ngon mặc đẹp, từ chuyện mua sắm cái này cái kia thì tất cả cái đó được kể là tham

dục. Rồi các điều độc. Các bậc thánh hữu học như sơ quả, nhị quả thì người ta cũng còn sân, nhưng cái sân của người ta là sự khó chịu thoáng qua, chứ ở người ta, cái sân của người ta không có cái như mình. Cái sân người ta không có chuyện trừ lượt rồi mai một mình làm như vậy cho đã “nu”, sẽ nói như vậy cho đã “nu”. Hoặc tối vô mừng ngủ rồi, tắt đèn rồi, sụp mừng xuống rồi, mình cứ lăn qua trở lại, mình không có nói được cái câu mà mình muốn nói, mình không có biểu lộ được thái độ mình muốn biểu lộ. Chính những điều đó làm mình khó chịu. Thậm chí mình bực dọc, khó ngủ, mình gọi phone chửi cho nó một trận, mình gửi email nặng lời cho nó một trận. Trong trường hợp sự sân hận của mình mà đòi hỏi một thể hiện, đòi hỏi một biểu lộ, đòi hỏi một bộc phát, đòi hỏi một sự cụ thể, một sự điển hình, một sự rõ ràng như vậy đó, thì trường hợp sân hận như vậy được gọi là sân độc. Còn cái sân của bậc thánh hữu học trên giáo lý A-tỳ-đàm xác định rõ ràng. Cái sân của mình nó dẫn đến sân ác nghiệp, khẩu ác nghiệp, có thể dẫn đến sự sa đọa bốn đường ác – đó là ngã quý, địa ngục, súc sinh, A-tu-la. Nhưng mà lòng sân hận, sự sân hận, lòng sân hận của các bậc Thánh Hữu Học, hai bậc thánh đầu tiên – Sơ quả và Nhị quả. Sự sân hận của các ngài trên ngôn ngữ được coi là sân hận, nhưng trên thực tế sân hận của các ngài không đủ để dẫn đến những sân nghiệp, khẩu nghiệp mà làm cho người khác tan nát như người phạm của mình. Thí dụ như các ngài có phiền lắm thì các ngài cũng chỉ một câu trách nhẹ thôi. Sở dĩ chúng ta có thể nói như vậy, chỉ có sân như vậy mình phải chửi người ta, mình phải đánh người ta, mình phải giết người ta, mình lên kế hoạch làm cho người ta tan nhà nát cửa. Cái này là tăng thánh rồi, giữa người có tu thiện và người không có tu thiện đó thì người muốn chứng tu thiện không có niềm sân hận kiêu đó nữa. Tất là lòng hường thụ, tham dục hạn chế tối đa theo khả năng mình hạn chế và sân độc mình cũng hạn chế tối đa theo khả năng mình hạn chế. Và hoài nghi, dĩ nhiên đối với các phạm phu, đối với các hành giả phạm phu, không thể nào chấm dứt hoàn toàn các cái gọi là hoài nghi, nhưng cái gì người ta thấy nó không ổn thì người ta để nó qua một bên, không nghĩ đến nó nữa. Giống như một người đan len, một người may áo, bây giờ họ mỏi mắt quá, họ không có may áo được nữa, họ tạm thời họ không có đan len được nữa thì người ta để cái áo đan len, người ta để đó, người ta để món đồ đan len nữa chừng đó, người ta đi làm chuyện khác. Hoặc là nhiều khi mình đang học ngoại ngữ, mình thấy nó nhức đầu quá, nó mệt mỏi, buồn ngủ; hoặc mình đang làm chuyện gì mà mình không thấy còn thích hợp nữa thì lúc đó mình tạm thời, mình dần xếp nội tâm của mình, để qua nó qua một bên rồi đi làm chuyện khác. Ở đây chắc cuộc sống ngoài đời, quý vị có nhiều lần như vậy rồi. Có những công việc còn dở dang, nhưng nó chưa có xong, ngay bây giờ nó không phải lúc, để nó qua một bên. Đối với những hành giả phạm phu, tâm nhiều khi còn có chỗ nghiêng về chánh pháp, về đức Phật. Tuy nhiên, với một trí tuệ căn bản thì quý vị hiểu rằng “thay vì cứ xem nó như một cái áo len dở dang, như một công việc giữa chừng mà bây giờ tạm thời trong lúc này không phải lúc mình tiếp tục nữa, không phải lúc mình tiếp tục suy tư, không phải lúc mình tra cứu kinh điển, mình học hỏi bạn với thầy, mình để qua một bên. Bây giờ là lúc mình tu thiện, bây giờ là lúc mình tu tâm, mình hàm dưỡng nội tâm của mình đây. Chúng ta có thể xem những điều mình nghi ngang, nghi hoặc đó, xem nó là một chiếc áo len đang bị gian dở, đó cũng là một cách chúng ta dần xếp phiền não của mình. Và đức Thế Tôn, ngài rất khéo léo, Ngài không có nói rõ từng bước tu hành, kiểu chi li mà Ngài chỉ gợi ý. Trước hết, Ngài chỉ gợi ý cho ngài Maha Cunda bốn tầng thiền chính. Đã nói đến bốn tầng thiền chính, một người tu thiện phải hiểu tất cả những điều chúng tôi vừa trình bày, năm triền cái. Tiếp theo, đức Thế Tôn ghi rõ Bát Chánh Đạo. Một người đã chứng được các tầng thiền rồi thì hãy nhớ rằng các tầng thiền đó vẫn chưa phải cứu cánh rốt ráo trong cuộc đời tu học của một vị hành giả. Chúng ta có thể giờ sách xem lại trang sử về cuộc đời của đức Thế Tôn. Ngài có ngai vua, ngài bỏ ngai vua. Khi đi xuất gia rồi, ngài chứng được các tầng thiền định, ngài xét đó chưa phải là cứu cánh rốt ráo, ngài một lần nữa có can đảm rũ áo ra đi, từ bỏ cái mà mình đang có. Mà trong khi chúng ta bây giờ sự thật chúng ta lười biếng, yếu gen, làm biếng suy nghĩ. Nếu chúng ta suy nghĩ kỹ càng chuyện đó thì chúng ta có một bài học rất là hay. Khi nào chưa thành tựu được Phật quả thì cho dù có chứng đắc thần thông, thiền định như thế nào đi nữa thì đức Thế Tôn, Bồ tát Cồ Đàm, Bồ tát Sĩ Đạt Đa cũng không lấy đó làm thỏa mãn, vẫn không lấy đó làm cứu cánh rốt ráo để mà dừng lại. Trong khi phạm phu của mình thì nếu mình chứng được phân nửa, tu được phân nửa bài kinh này thôi. Chứng được tứ thiền ngũ thông, có được thần thông: thăng thiên, độn thổ,

làm mưa làm gió thì mình thấy nhiều đó đủ rồi. Đừng nói làm những chuyện đó hoặc là nhập định trong hai ngày, ba ngày. Bây giờ chỉ cần, một tháng mình giữ được tám ngày Bát Quan, một năm đến mùa An cư của chư Tăng, mình phòng hạ, mình giữ Bát Quan được ba tháng, dù bất cứ khóa thiền nào, dù ở đâu, xa gần mình cũng đến mình học, mình tu thiền một cách nghiêm cẩn, nếu được năm ba năm gì thì không khéo có người bắt đầu cái tôi, cái ta nó lớn ra. Có thể mình không có nói, nhưng cái tôi nó âm thầm nó lớn. Người ta không thấy, nếu mình bình tĩnh mình sẽ thấy.

Điều mà đức Thế Tôn, Ngài muốn nhấn mạnh trong bài kinh Đoạn Giảm này, đó là ngày nào chưa đạt đến cứu cánh cao nhất trong lý tưởng giải thoát thì vị tỷ kheo tuyệt đối không nên xem bất cứ một cái gì trên đường là cứu cánh. Một điều quan trọng mà chúng ta cần lưu ý ở đây ngay trong tuệ. Một bước đi một vị hành giả, bỏ lại từng thứ, từng thứ, cho đầu đó là các tầng thiền: thiền sơ, nhị, tam, tứ của Sắc Giới hay là sự thành tựu các loại thần thông cũng phải từ bỏ hết. Bỏ ở đây, không phải không tu nữa. Từ bỏ ở đây là không có đặt vào đó một niềm đam mê và xem đó là cứu cánh tột cùng. Bởi vì, rõ ràng, sau các tầng thiền thì đức Thế Tôn lập tức nói đến con đường tu học theo lý tưởng Bát Chánh Đạo. Ngài xác nhận rằng ngày nào còn các phiền não trong lòng của mình thì ngày đó vị tỷ kheo, riêng về hành giả tu hành theo lý tưởng giải thoát nói chung, phải nhớ lấy một điều: Ở trên đời này có sáng thì mới có tối, nó có nước mắt nó có nụ cười, nó có tội lỗi nó có thánh thiện, nó có ác pháp thì nó có thiện pháp. Cho nên vị tỷ kheo phải luôn luôn lượng rằng, cũng giống như đối lập giữa sáng tối, nóng lạnh, buồn vui. Khi nào trong lòng có ác pháp thì trong lòng vị hành giả, vị tỷ kheo phải luôn tâm niệm “ác pháp này chắc chắn có một thiện pháp đối xứng”, cho dù đó có là ác pháp nào. Thí dụ như, sát sanh là ác pháp, không sát sanh là thiện pháp đối xứng, nói đâm thọc là ác pháp, từ bỏ cái chuyện nói hai lưỡi, nói đem sự hòa hợp cho chúng sinh khác, đem lại sự đoàn kết cho người khác, đó là đối lập. Mình nói lời thô ngữ, ác ngữ, đó là ác pháp, mình nói lời bằng từ tâm, nói lời nhẹ nhàng, lý tưởng xây dựng đó là thiện pháp đối xứng. Nói lời phù phiếm, nói lời vô ích, nói lời phiếm luận đó là ác pháp, nói lời hữu ích, nói lời có nội dung hướng đến lý tu học đó là thiện pháp. Nói chung bất cứ một giây phút nào phát hiện ra ác pháp, những điều sai quấy trong nội tâm của mình, vị tỷ kheo phải luôn tâm niệm một điều rằng tất cả các ác pháp này dù lớn dù nhỏ, dù sâu đậm hay là nhạt nhòa thì chắc chắn rằng chúng cũng có những thiện pháp tương ứng. Mà nếu mình vẫn chưa dần xếp được phiền não của mình thì rõ ràng là thiện pháp của mình có vấn đề, bởi vì có thể là thiếu hoặc chúng ta không nhìn thấy. Bởi vì nếu chúng ta không nhìn thấy được các thiện pháp đối xứng các ác pháp đang xuất hiện trong lòng mình thì làm sao chúng ta có thể tu đoạn giảm được đây. Ở trong tập số có kê một giai thoại rất là thú vị, mới nghe qua như thế là bị lạc đề. Bởi vì mới xem qua thì cũng hơi giật mình mà sau đó thấy rõ được một phần nào các bản ý của các bậc thành hiền xưa. Trong đó các bậc thánh chưa kể câu chuyện của ngài dhammadina. (35:05)

[17/05/2023 - 10:31 - nguoiivosu123]

Một số đông theo đệ tử học hành rất là giỏi, nhưng các vị này đi đến đâu thì thôi kéo năm kéo ba, hàng chục vị hàng trăm vị, ồn ào, náo nhiệt, không có tập trung, không có thời giờ thiền định, không có hướng về đời sống nội tâm tĩnh lặng. Ngài Dhammadina thấy như vậy cho nên ngài mới có suy nghĩ rằng một lúc nào đó mình sẽ đi tìm dịp để nhắc nhở các học trò của mình, cho họ sự tỉnh. Một hôm cơ hội đó đến, khi thấy các vị đến thăm hỏi ngài thì ngài có hỏi một câu gần như mơ hồ như thế này: “Các vị đi xuất gia, trong giáo pháp này, các vị tu như vậy là đi tìm mình hay là đi tìm người ta”. Dĩ nhiên, các vị tỷ kheo đó ai cũng là từng học qua ít nhiều Phật pháp, đều học qua câu chuyện 30 hoàng tử mà đi tìm một cô cung nữ hoặc một nhóm người Ba La Môn mà đi tìm bò được kể. Rồi các vị đều trả lời: “Thưa thầy, chúng con tu là chúng con thì đi tìm mình chứ đi tìm người khác, tìm ngoại giới làm chi?” Ngài dhammadina nói: “Nếu biết vậy thì tại sao thấy các vị cứ lo ra nhiều hơn là quay trở về với chính mình”. Ngài chỉ nói nhẹ vậy thôi, các vị tỷ kheo học trò hiểu, đánh lễ thầy và sau đó tách rời nhau ra, không có tụ năm tụ ba đề mà trò chuyện vui chơi nữa. Sau đó không bao lâu thì các vị chứng đắc quả vị A La Hán.

Chúng tôi nghĩ rằng có lẽ nên kể lại ở đây hai câu chuyện ngắn khi này chúng tôi vừa nhắc. Đó là những người kỹ nữ hay những người đi tìm bò đó thì ở trong kinh kể rằng ngay sau khi đức Thế Tôn mới vừa thành đạo thì có 30, lúc Ngài đang ngồi ở rừng khổ hạnh lâm, có 30 công tử nhà giàu,

nhân ngày lễ hội giống như mình Tết Nguyên Đán hay là Noen vậy đó, đi chơi rồi góp kien nhau lại thuê mướn mấy cô kỹ nữ, giống như mình ngày xưa, mình miền Bắc mình thuê mấy cô đào, mấy ả đào hát cho vui vậy mà, nhân ngày lễ lạt cho nó ... cô trong số mấy cô mấy vị công tử này thuê đó có cô xấu tánh, cô thấy tiền bạc vòng vàng, đồ trang sức các vị này nhiều lắm. Ở đây chúng ta mở ngoặc một điều, đàn ông Việt Nam mình có tiền cũng ít có đeo. Người Ấn Độ hồi xưa người ta đeo lung tung hết. Bây giờ quý vị có gặp người Ấn Độ trong đời sống thì họ cũng chuộng chuyện trang sức. Chỉ cần 30 người đàn ông của mình thì cũng chẳng có gì để ăn cắp. Ba mươi vị này say sưa, chè chén rồi mới phát hiện ra cô kỹ nữ đó biến mất. Biên theo cô ta là tất cả những vòng vàng, đồ trang sức, tùy thân quý giá của các vị này đều mất sạch. Các vị này giận quá là giận, các vị này kéo nhau đi tìm. Họ đi ngang qua gốc cây mà đức Thế Tôn đang ngồi đó, thì họ mới hỏi Ngài: “Bạch thầy, thầy ngồi đây thầy có thấy cô gái ăn mặc diêm giúa, lõe loét, phấn son tèm lem tuốt luốt có đi ngang đây không? Đức Phật mới nói rằng: “Theo các người mình đi tìm người khác nó cần thiết hay là mình trở về tìm chính mình. Phải nói rằng sở dĩ đức Thế Tôn có một câu hỏi mà hay, cao xa, hùng vĩ như vậy là bởi vì ngài biết rõ cái duyên lành giác ngộ, cái túc duyên quá khứ các vị này. Chứ mình bây giờ có hỏi mình cũng chót quớt không có hiểu chi đâu. Những vị hoàng tử này, họ nghe như vậy, họ lập tức trả lời: “Dạ thưa thầy, theo như thầy hỏi thì dĩ nhiên chúng con đi tìm mình chứ làm sao tìm người khác bằng mình, trên đời đâu có ai mà đáng quý, đáng yêu bằng mình đâu, bằng bản thân của mình đâu. Đức Phật nói nếu vậy thì hãy ngồi xuống nghe chuyện này chút xíu rồi muốn đi tìm cái gì thì tìm. Hãy người còn thì mình còn gặp thôi chứ gì, thông thả đi. Rồi các vị này ngồi xuống, Ngài thuyết cho một bài pháp. Sau khi các vị này nghe xong mới thấy rằng cái chuyện mình vui chơi, đàn diêm không tốt đã đành rồi, mà các vị đã thấy rằng dường như thời gian không còn chờ đợi mình nữa, mình đã không còn bao nhiêu cơ hội để quay về đời sống nội tâm. Một điều cao cả, lý tưởng nhất trong đời sống phù du này. Thế là các vị đồng lòng quý xuống xin đức Thế Tôn xuất gia. Từ đó là 30 vị A La Hán. Ba mươi vị này cũng là nằm trong những vị A La Hán đầu tiên của Phật giáo mình.

Chưa hết, một lần khác, có một vị Ba La Môn, ông đi tìm bò, ông có con bò bị mất, rồi ông đi ngang đức Phật đang ngồi, ông có hỏi một câu: “Ngài có thấy con bò của tôi, nó sứt dây, nó đi ngang đây không?” Thì đức Phật cũng trả lời một câu, trả lời bằng cách là đưa ra một câu hỏi tương tự. “Theo ông, con bò cần tìm hay là ông cần tìm hơn”. Dĩ nhiên Ngài thấy rõ cái của ông. Ông nghe như vậy, ông sực tỉnh, ông giác ngộ và ông trở thành người Phật tử tu hành tinh tấn hơn. Đó là theo tục sự thế gian dĩ nhiên ông lo cho gia đình, ông vẫn phải lo nhưng mà ông tu hành đang hoàng và tinh tấn. Bởi vì ông thấy rằng trên đời không có cái gì tồn tại hoài. Cái điều quan trọng nhất, cái chỗ đi về, cái mình chăm sóc đó là cội nguồn, đó chính là cái bản thân mình.

Các vị đệ tử của ngài dhammadina dù ít dù nhiều cũng biết qua hai chuyện đó, cộng với kiến thức của bản thân, các vị hiểu ra một điều cái cần tìm nhất trên đời này không phải là người khác hoặc món đồ khác mà chính là chính mình.

Trong bài kinh Đoạn Giãm này, đức Thế Tôn khi trả lời câu hỏi của ngài Maha Cunda rằng “Làm thế nào để nhiếp phục được suy nghĩ tà kiến, suy nghĩ ái kiến, ngã chấp. Đức Thế Tôn từng bước, từng bước hướng dẫn con đường Chỉ Quán Song Tu, nói rộng hơn là con đường Bát Chánh Đạo mà trong đó chuyên chở nội dung tu giải thoát ngay trong đời sống hiện tại mà ai cũng có thể tu học được. Theo khi đức Thế Tôn tuần tự trình bày hai con đường Chỉ Quán Song Tu và ngài kết thúc buổi giảng bằng cách ngài trình bày về Bát Chánh Đạo. Và ở đây có lẽ chúng ta cũng nên xem chánh kinh để thấy ra một điều hết sức là bên cạnh con đường Bát Chánh Đạo đức Thế Tôn còn nói luôn, đức Thế Tôn còn nói thêm hai chi pháp nữa. Đó là chánh trí và chánh giải thoát. Thay vì ở các kinh điển khác, các bài kinh khác thì chúng ta chỉ thấy nói đến Bát Chi Đạo thôi. Tức là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh niệm, chánh định, chánh tinh tấn. Riêng ở trong bài kinh này thì đức Thế Tôn nói thêm hai điều nữa – đó là chánh trí và chánh giải thoát. Dĩ nhiên, ở các bài kinh khác, không phải đức Thế Tôn nói thiếu, nhưng vì hoàn cảnh trước mặt cho nên chỉ vì duyên lành người trước mặt thì ngài nói đến số tám thôi. Bởi vì một người mà tu tập hoàn mãn trọn vẹn được tám chi thánh đạo này thì người đó cũng sẽ thành tựu được cái chánh trí và chánh giải thoát. Ở trong bài kinh này, Ngài nói cho tỳ kheo trưởng lão Maha Cunda rằng nội dung

của Pháp thoại Đoạn Giảm này nhắm đến một vấn đề. Đó là vị tỳ kheo trong đời sống này từng phút từng giây cần thiết tinh thức để kịp thời phát hiện ác pháp trong lòng của mình và luôn tâm niệm một điều bất cứ một ác pháp nào trong đời này cũng có một thiện pháp tương ứng để đối trị nó. Và con đường dùng thiện pháp để đối trị ác pháp đó, con đường đó có thể được dựa trên bằng bốn chữ Chỉ Quán Song Tu. Mà một người muốn thực hiện được con đường thiên chỉ, trước khi tu được con đường thiên quán, thì người đó, đức Thế Tôn không có nói lâu, nhưng ngụ ý của ngài là người đó phải có giới luật thanh tịnh. Bởi vì không thể nào có chỉ, có thiên chỉ tịnh mà thiếu đi giới luật. Cho nên trong bài kinh này, nếu chúng ta xem kỹ thì ở trong bài kinh này đức Thế Tôn phần lớn dùng cách nói đại lược mà không nói chi tiết. Nhưng nếu để ý thì ở trong cái đại lược đó thì chuyên chở luôn cả tiểu tiết. Và bài kinh Đoạn Giảm này có một nội dung mà bao gồm tất cả những lời dạy của đức Phật trong suốt cuộc đời hoằng pháp độ sinh của ngài. Bởi vì sao? Vì Chỉ Quán Song Tu là nội dung của Phật giáo, Bát Chánh Đạo chính là nội dung của Phật giáo và vấn đề “ngã kiến” mà ngài Maha Cunda đề cập đến phần đầu bài kinh chính là đại diện tất cả. Bởi vì tất cả phiền não của chúng ta nếu không có ngã kiến, không có kiến chấp nghĩ đến một cái tôi, của tôi thì tất cả các phiền não khác làm gì có cơ sở xuất hiện nữa, không chống thì chầy, như là là trong kinh đức Phật đã nói giống như một chiếc thuyền lênh đênh trên khơi, trên đất, không có chăm sóc, không có vá niếp, không sơn phết, không có xuống nước để mà đi theo ngày dài tháng thì chắc chắn một ngày nào đó thì chiếc thuyền đó cũng bị mục rã mà thôi. Đối với một người tu tập con đường Chỉ Quán này, nếu ngay bây giờ hiện tại trở thành một bậc thánh nhân thì theo thời gian một đến hai kiếp hay nhiều kiếp thì phiền não của người này cũng sẽ bào mòn từng bước từng bước cuối cùng đạt đến cứu cánh giải thoát. Có một số người, khi trong kinh điển Phật giáo, đặc biệt là kinh điển Phật giáo Nam tông thấy ra trường hợp của một số đông các vị sa di thời đức Phật chỉ mới bảy tuổi thôi mà chứng đắc A La Hán, có nhiều người tỏ ý không tin. Chúng tôi có gặp một số người khi nhắc đến chuyện đó, họ có vẻ hoài nghi, hoặc có người hỏi thẳng chúng tôi về chuyện đó. Họ hỏi chúng tôi rằng “có tin chuyện đó hay không?”. Chúng tôi có nhớ rằng mình đã trả lời rằng, trả lời bằng một câu tục ngữ Việt Nam: “Hôm qua không sớm, hôm nay hoàn tất sớm”. “Chiều qua không hoàn tất, sáng nay hoàn tất sớm”. Những người bây giờ họ mới bảy tuổi, mười tuổi chứng đắc A La Hán, họ gặp đức Phật, họ được xuất gia, họ chứng đắc được các tầng thân thông. Nếu mình đem cái văn hóa, đem bối cảnh xã hội mình bây giờ để mà mình nhận xét những trường hợp đó thì mình thấy có phần hơi cường điệu, có phần hơi huyền thoại, có phần hơi thêu dệt, nhưng nếu chúng ta chịu khó đi xa hơn một chút, chúng ta sẽ thấy rằng những A La Hán bảy tuổi, mười tuổi bây giờ là biết bao nhiêu kiếp người ta mài mòn phiền não bằng pháp môn đoạn giảm này. Pháp môn này không phải đợi đến khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni ngài dạy mới có mà trong ba đời chư Phật, quá khứ, hiện tại, vị lai, lúc nào con đường tu học cũng chính là con đường Đoạn Giảm. Đoạn Giảm gì lấy thiện pháp để mà đoạn giảm ác pháp một cách tương xứng giữa cuộc đời này. Giữa cuộc đời này đầy giẫy những người sát sinh thì những người tu học là những người không sát sinh. Trên cuộc đời này đầy giẫy những người nói dối thì những người tu học là những người không có nói dối. Có một cuộc đời đầy áp những tham dục, những sân hận, những tà kiến.

Ông để trước mặt bốn cái tô. Một tô đựng đậu đen, một tô đựng đậu trắng và hai tô không. Cứ mỗi lần một tư tưởng bất thiện, bậy bạ xuất hiện trong đầu, nhặt một hạt đậu đen bỏ ra. Nếu khi nào có một tư tưởng tốt đẹp thì vị này (tốt đẹp ở đây có nghĩa là một tư tưởng có lợi mình, lợi ích người, có lợi ích cho đời này, cho đời sau thì được gọi là một tư tưởng có lợi ích. Còn những tư tưởng nào nếu phân tích tới nơi tới chốn thì có hại cho mình, cho người, cho đời này đời sau thì đó gọi là tư tưởng bất thiện). Khi vị thiền sư này phát triển trong tâm mình có những tư tưởng thiện thì vị này lấy một hạt đậu trắng bỏ ra tô đằng trước. Rồi khi nào có một tư tưởng quấy quá khởi lên trong lòng của mình thì nhặt một hạt đậu đen bỏ ra đằng trước. Buổi đầu, dĩ nhiên đậu đen nhiều gấp mấy lần đậu trắng, nhưng mà theo thời gian thì đậu trắng với đậu đen bằng nhau và sau cùng thì chỉ còn đậu trắng chứ không có đậu đen. Chúng ta có thể nói rằng bài kinh Đoạn Giảm này cũng gần giống như pháp môn lựa đậu vậy. Vị tỳ kheo trong từng ngày, trong từng tháng, nhìn rõ nội tâm của mình mà thực hiện pháp môn Đoạn Giảm, lấy cái thiện mà trừ cái ác tương ứng thì đó được xem là bản ý mà đức Thế Tôn muốn gởi gắm cho ngài Cunda, cho tất cả chúng ta hôm nay.

Kết thúc bài kinh này, đức Phật có dạy cho ngài Trưởng Lão Maha Cunda rằng; “Nhu vậy, này Cunda, ta đã giảng pháp môn đoạn giảm, giảng dạy pháp môn khởi tâm, giảng pháp đối trị, giảng pháp hướng thượng, giảng pháp giải thoát hoàn toàn. Này Cunda, những gì bậc đạo sư phải làm vì hạnh phúc, vì lòng thương tưởng cho đệ tử, điều ấy ta đã làm rồi, vì lòng thương tưởng cho các người. Này Cunda, đây là những gốc cây, những ngôi nhà vắng, này Cunda hãy thiền định chớ có phóng dật, chớ có hối tiếc về sau. Nếu hôm nay bây giờ thì hãy thiền định, chớ có phóng dật, đừng để sau này mình phải ngồi lại mà tiếc nuối. Đó là chính là lời giáo huấn của ta cho các người”. Kết thúc của đức Thế Tôn cũng là câu kết thúc cho buổi giảng này của chúng tôi. Dầu ít, dầu nhiều, dầu ngắn, dầu dài thì cũng hi vọng rằng chúng tôi đã không giải thích sai lệch, thiếu sót nội dung kinh đoạn giảm. Hi vọng buổi giảng này cũng đóng góp được phần nào trong đời sống tu học của các Phật tử. và công đức thuyết pháp vô lượng xin thành tâm chia sẻ đến tất cả chúng sinh trong ba giới bốn loài, đặc biệt các vị long thần hộ pháp, sau khi các vị thọ lãnh công đức này hãy hộ trì cho tất cả chúng ta, cho tất cả những người tu Phật, tất cả những người có mặt trong room này, kể cả chúng tôi luôn luôn được vạn sự kết tường, sở cầu như nguyện.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Hết

[17/05/2023 - 10:32 - nguoiivosu123]

Một số đông theo đệ tử học hành rất là giỏi, nhưng các vị này đi đến đâu thì thôi kéo năm kéo ba, hàng chục vị hàng trăm vị, ồn ào, náo nhiệt, không có tập trung, không có thời giờ thiền định, không có hướng về đời sống nội tâm tĩnh lặng. Ngài Dhammadina thấy như vậy cho nên ngài mới có suy nghĩ rằng một lúc nào đó mình sẽ đi tìm dịp để nhắc nhở các học trò của mình, cho họ sự tỉnh. Một hôm cơ hội đó đến, khi thấy các vị đến thăm hỏi ngài thì ngài có hỏi một câu gần như mơ hồ như thế này: “Các vị đi xuất gia, trong giáo pháp này, các vị tu như vậy là đi tìm mình hay là đi tìm người ta”. Dĩ nhiên, các vị tỳ kheo đó ai cũng là từng học qua ít nhiều Phật pháp, đều học qua câu chuyện 30 hoàng tử mà đi tìm một cô cung nữ hoặc một nhóm người Ba La Môn mà đi tìm bò được kẻ. Rồi các vị đều trả lời: “Thưa thầy, chúng con tu là chúng con thì đi tìm mình chứ đi tìm người khác, tìm ngoại giới làm chi?” Ngài dhammadina nói: “Nếu biết vậy thì tại sao thấy các vị cứ lo ra nhiều hơn là quay trở về với chính mình”. Ngài chỉ nói nhẹ vậy thôi, các vị tỳ kheo học trò hiểu, đánh lễ thầy và sau đó tách rời nhau ra, không có tụ năm tụ ba để mà trò chuyện vui chơi nữa. Sau đó không bao lâu thì các vị chứng đắc quả vị A La Hán.

Chúng tôi nghĩ rằng có lẽ nên kể lại ở đây hai câu chuyện ngắn khi này chúng tôi vừa nhắc. Đó là những người kỹ nữ hay những người đi tìm bò đó thì ở trong kinh kể rằng ngay sau khi đức Thế Tôn mới vừa thành đạo thì có 30, lúc Ngài đang ngồi ở rừng khổ hạnh lâm, có 30 công tử nhà giàu, nhân ngày lễ hội giống như mình Tết Nguyên Đán hay là Noen vậy đó, đi chơi rồi góp kiện nhau lại thuê mướn mấy cô kỹ nữ, giống như mình ngày xưa, mình miền Bắc mình thuê mấy cô đào, mấy ả đào hát cho vui vậy mà, nhân ngày lễ lạc cho nó ... cô trong số mấy cô mấy vị công tử này thuê đó có cô xấu tánh, cô thấy tiền bạc vòng vàng, đồ trang sức các vị này nhiều lắm. Ở đây chúng ta mở ngoặc một điều, đàn ông Việt Nam mình có tiền cũng ít có đeo. Người Ấn Độ hồi xưa người ta đeo lung tung hết. Bây giờ quý vị có gặp người Ấn Độ trong đời sống thì họ cũng chuộng chuyện trang sức. Chỉ cần 30 người đàn ông của mình thì cũng chẳng có gì để ăn cắp. Ba mươi vị này say sưa, chè chén rồi mới phát hiện ra cô kỹ nữ đó biến mất. Biên theo cô ta là tất cả những vòng vàng, đồ trang sức, tùy thân quý giá của các vị này đều mất sạch. Các vị này giận quá là giận, các vị này kéo nhau đi tìm. Họ đi ngang qua gốc cây mà đức Thế Tôn đang ngồi đó, thì họ mới hỏi Ngài: “Bạch thầy, thầy ngồi đây thầy có thấy cô gái ăn mặc diêm giá, lòe loẹt, phấn son tèm lem tuốt luốt có đi ngang đây không? Đức Phật mới nói rằng: “Theo các người mình đi tìm người khác nó cần thiết hay là mình trở về tìm chính mình. Phải nói rằng sở dĩ đức Thế Tôn có một câu hỏi mà hay, cao xa, hùng vĩ như vậy là bởi vì ngài biết rõ cái duyên lành giác ngộ, cái túc duyên quá khứ các vị này. Chứ mình bây giờ có hỏi mình cũng chớ quớt không có hiểu chi đâu. Những vị hoàng tử này, họ nghe như vậy, họ lập tức trả lời: “Dạ thưa thầy, theo như thầy hỏi thì dĩ nhiên chúng con đi tìm mình chứ làm sao tìm người khác bằng mình, trên đời đâu có ai mà đáng quý, đáng yêu bằng mình

đâu, bằng bản thân của mình đâu. Đức Phật nói nếu vậy thì hãy ngồi xuống nghe chuyện này chút xíu rồi muốn đi tìm cái gì thì tìm. Hãy người còn thì mình còn gặp thôi chứ gì, thông thả đi. Rồi các vị này ngồi xuống, Ngài thuyết cho một bài pháp. Sau khi các vị này nghe xong mới thấy rằng cái chuyện mình vui chơi, đàn điếm không tốt đã đành rồi, mà các vị đã thấy rằng dường như thời gian không còn chờ đợi mình nữa, mình đã không còn bao nhiêu cơ hội để quay về đời sống nội tâm. Một điều cao cả, lý tưởng nhất trong đời sống phù du này. Thế là các vị đồng lòng quý xuống xin đức Thế Tôn xuất gia. Từ đó là 30 vị A La Hán. Ba mươi vị này cũng là nằm trong những vị A La Hán đầu tiên của Phật giáo mình.

Chưa hết, một lần khác, có một vị Ba La Môn, ông đi tìm bò, ông có con bò bị mất, rồi ông đi ngang đức Phật đang ngồi, ông có hỏi một câu: “Ngài có thấy con bò của tôi, nó sút dây, nó đi ngang đây không?” Thì đức Phật cũng trả lời một câu, trả lời bằng cách là đưa ra một câu hỏi tương tự. “Theo ông, con bò cần tìm hay là ông cần tìm hơn”. Dĩ nhiên Ngài thấy rõ cái của ông. Ông nghe như vậy, ông sực tỉnh, ông giác ngộ và ông trở thành người Phật tử tu hành tinh tấn hơn. Đó là theo tục sự thế gian dĩ nhiên ông lo cho gia đình, ông vẫn phải lo nhưng mà ông tu hành đang hoàng và tinh tấn. Bởi vì ông thấy rằng trên đời không có cái gì tồn tại hoài. Cái điều quan trọng nhất, cái chỗ đi về, cái mình chăm sóc đó là cội nguồn, đó chính là cái bản thân mình.

Các vị đệ tử của ngài dhammadina dù ít dù nhiều cũng biết qua hai chuyện đó, cộng với kiến thức của bản thân, các vị hiểu ra một điều cái cần tìm nhất trên đời này không phải là người khác hoặc món đồ khác mà chính là chính mình.

Trong bài kinh Đoạn Giảm này, đức Thế Tôn khi trả lời câu hỏi của ngài Maha Cunda rằng “Làm thế nào để nhiếp phục được suy nghĩ tà kiến, suy nghĩ ái kiến, ngã chấp. Đức Thế Tôn từng bước, từng bước hướng dẫn con đường Chỉ Quán Song Tu, nói rộng hơn là con đường Bát Chánh Đạo mà trong đó chuyên chở nội dung tu giải thoát ngay trong đời sống hiện tại mà ai cũng có thể tu học được. Theo khi đức Thế Tôn tuần tự trình bày hai con đường Chỉ Quán Song Tu và ngài kết thúc buổi giảng bằng cách ngài trình bày về Bát Chánh Đạo. Và ở đây có lẽ chúng ta cũng nên xem chánh kinh để thấy ra một điều hết sức là bên cạnh con đường Bát Chánh Đạo đức Thế Tôn còn nói luôn, đức Thế Tôn còn nói thêm hai chi pháp nữa. Đó là chánh trí và chánh giải thoát. Thay vì ở các kinh điển khác, các bài kinh khác thì chúng ta chỉ thấy nói đến Bát Chi Đạo thôi. Tức là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh niệm, chánh định, chánh tinh tấn. Riêng ở trong bài kinh này thì đức Thế Tôn nói thêm hai điều nữa – đó là chánh trí và chánh giải thoát. Dĩ nhiên, ở các bài kinh khác, không phải đức Thế Tôn nói thiếu, nhưng vì hoàn cảnh trước mặt cho nên chỉ vì duyên lành người trước mặt thì ngài nói đến số tám thôi. Bởi vì một người mà tu tập hoàn mãn trọn vẹn được tám chi thánh đạo này thì người đó cũng sẽ thành tựu được cái chánh trí và chánh giải thoát. Ở trong bài kinh này, Ngài nói cho tỳ kheo trưởng lão Maha Cunda rằng nội dung của Pháp thoại Đoạn Giảm này nhắm đến một vấn đề. Đó là vị tỳ kheo trong đời sống này từng phút từng giây cần thiết tinh thức để kịp thời phát hiện ác pháp trong lòng của mình và luôn tâm niệm một điều bất cứ một ác pháp nào trong đời này cũng có một thiện pháp tương ứng để đối trị nó. Và con đường dùng thiện pháp để đối trị ác pháp đó, con đường đó có thể được dựa trên bằng bốn chữ Chỉ Quán Song Tu. Mà một người muốn thực hiện được con đường thiên chi, trước khi tu được con đường thiên quán, thì người đó, đức Thế Tôn không có nói lâu, nhưng ngụ ý của ngài là người đó phải có giới luật thanh tịnh. Bởi vì không thể nào có chỉ, có thiên chi tịnh mà thiếu đi giới luật. Cho nên trong bài kinh này, nếu chúng ta xem kỹ thì ở trong bài kinh này đức Thế Tôn phần lớn dùng cách nói đại lược mà không nói chi tiết. Nhưng nếu để ý thì ở trong cái đại lược đó thì chuyên chở luôn cả tiểu tiết. Và bài kinh Đoạn Giảm này có một nội dung mà bao gồm tất cả những lời dạy của đức Phật trong suốt cuộc đời hoằng pháp độ sinh của ngài. Bởi vì sao? Vì Chỉ Quán Song Tu là nội dung của Phật giáo, Bát Chánh Đạo chính là nội dung của Phật giáo và vấn đề “ngã kiến” mà ngài Maha Cunda đề cập đến phần đầu bài kinh chính là đại diện tất cả. Bởi vì tất cả phiền não của chúng ta nếu không có ngã kiến, không có kiến chấp nghĩ đến một cái tôi, của tôi thì tất cả các phiền não khác làm gì có cơ sở xuất hiện nữa, không chống thì chầy, như là là trong kinh đức Phật đã nói giống như một chiếc thuyền lênh đênh trên khơi, trên đất, không có chăm sóc, không có vá nhိếp, không sơn phết, không có xuống nước để mà đi theo ngày dài tháng thì chắc chắn một ngày

nào đó thì chiếc thuyền đó cũng bị mục rã mà thôi. Đối với một người tu tập con đường Chỉ Quán này, nếu ngay bây giờ hiện tại trở thành một bậc thánh nhân thì theo thời gian một đến hai kiếp hay nhiều kiếp thì phiền não của người này cũng sẽ bào mòn từng bước từng bước cuối cùng đạt đến cứu cánh giải thoát. Có một số người, khi trong kinh điển Phật giáo, đặc biệt là kinh điển Phật giáo Nam tông thấy ra trường hợp của một số đông các vị sa di thời đức Phật chỉ mới bảy tuổi thôi mà chứng đắc A La Hán, có nhiều người tỏ ý không tin. Chúng tôi có gặp một số người khi nhắc đến chuyện đó, họ có vẻ hoài nghi, hoặc có người hỏi thẳng chúng tôi về chuyện đó. Họ hỏi chúng tôi rằng “có tin chuyện đó hay không?”. Chúng tôi có nhớ rằng mình đã trả lời rằng, trả lời bằng một câu tục ngữ Việt Nam: “Hôm qua không sớm, hôm nay hoàn tất sớm”. “Chiều qua không hoàn tất, sáng nay hoàn tất sớm”. Những người bây giờ họ mới bảy tuổi, mười tuổi chứng đắc A La Hán, họ gặp đức Phật, họ được xuất gia, họ chứng đắc được các tầng thân thông. Nếu mình đem cái văn hóa, đem bối cảnh xã hội mình bây giờ để mà mình nhận xét những trường hợp đó thì mình thấy có phần hơi cường điệu, có phần hơi huyền thoại, có phần hơi thêu dệt, nhưng nếu chúng ta chịu khó đi xa hơn một chút, chúng ta sẽ thấy rằng những A La Hán bảy tuổi, mười tuổi bây giờ là biết bao nhiêu kiếp người ta mài mòn phiền não bằng pháp môn đoạn giảm này. Pháp môn này không phải đợi đến khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni ngài dạy mới có mà trong ba đời chư Phật, quá khứ, hiện tại, vị lai, lúc nào con đường tu học cũng chính là con đường Đoạn Giảm. Đoạn Giảm gì lấy thiện pháp để mà đoạn giảm ác pháp một cách tương xứng giữa cuộc đời này. Giữa cuộc đời này đầy giẫy những người sát sinh thì những người tu học là những người không sát sinh. Trên cuộc đời này đầy giẫy những người nói dối thì những người tu học là những người không có nói dối. Có một cuộc đời đầy ắp những tham dục, những sân hận, những tà kiến.

Ông để trước mặt bốn cái tô. Một tô đựng đậu đen, một tô đựng đậu trắng và hai tô không. Cứ mỗi lần một tư tưởng bất thiện, bậy bạ xuất hiện trong đầu, nhặt một hạt đậu đen bỏ ra. Nếu khi nào có một tư tưởng tốt đẹp thì vị này (tốt đẹp ở đây có nghĩa là một tư tưởng có lợi mình, lợi ích người, có lợi ích cho đời này, cho đời sau thì được gọi là một tư tưởng có lợi ích. Còn những tư tưởng nào nếu phân tích tới nơi tới chốn thì có hại cho mình, cho người, cho đời này đời sau thì đó gọi là tư tưởng bất thiện). Khi vị thiện sự này phát triển trong tâm mình có những tư tưởng thiện thì vị này lấy một hạt đậu trắng bỏ ra tô đằng trước. Rồi khi nào có một tư tưởng quấy quá khởi lên trong lòng của mình thì nhặt một hạt đậu đen bỏ ra đằng trước. Buổi đầu, dĩ nhiên đậu đen nhiều gấp mấy lần đậu trắng, nhưng mà theo thời gian thì đậu trắng với đậu đen bằng nhau và sau cùng thì chỉ còn đậu trắng chứ không có đậu đen. Chúng ta có thể nói rằng bài kinh Đoạn Giảm này cùng gần giống như pháp môn lựa đậu vậy. Vị tỷ kheo trong từng ngày, trong từng tháng, nhìn rõ nội tâm của mình mà thực hiện pháp môn Đoạn Giảm, lấy cái thiện mà trừ cái ác tương ứng thì đó được xem là bản ý mà đức Thế Tôn muốn gửi gắm cho ngài Cunda, cho tất cả chúng ta hôm nay.

Kết thúc bài kinh này, đức Phật có dạy cho ngài Trưởng Lão Maha Cunda rằng; “Nhu vậy, này Cunda, ta đã giảng pháp môn đoạn giảm, giảng dạy pháp môn khởi tâm, giảng pháp đối trị, giảng pháp hướng thượng, giảng pháp giải thoát hoàn toàn. Này Cunda, những gì bậc đạo sư phải làm vì hạnh phúc, vì lòng thương tưởng cho đệ tử, điều ấy ta đã làm rồi, vì lòng thương tưởng cho các người. Này Cunda, đây là những gốc cây, những ngôi nhà vắng, này Cunda hãy thiện định chớ có phóng dật, chớ có hối tiếc về sau. Nếu hôm nay bây giờ thì hãy thiện định, chớ có phóng dật, đừng để sau này mình phải ngồi lại mà tiếc nuối. Đó là chính là lời giáo huấn của ta cho các người”. Kết thúc của đức Thế Tôn cũng là câu kết thúc cho buổi giảng này của chúng tôi. Dầu ít, dầu nhiều, dầu ngắn, dầu dài thì cũng hi vọng rằng chúng tôi đã không giải thích sai lệch, thiếu sót nội dung kinh đoạn giảm. Hi vọng buổi giảng này cũng đóng góp được phần nào trong đời sống tu học của các Phật tử. và công đức thuyết pháp vô lượng xin thành tâm chia sẻ đến tất cả chúng sinh trong ba giới bốn loài, đặc biệt các vị long thân hộ pháp, sau khi các vị thọ lãnh công đức này hãy hộ trì cho tất cả chúng ta, cho tất cả những người tu Phật, tất cả những người có mặt trong room này, kể cả chúng tôi luôn luôn được vạn sự kết tường, sở cầu như nguyện.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

**XIN LƯU Ý:
ĐÂY CHỈ LÀ BẢN CHÉP NHẬP
CHƯA ĐƯỢC SỬ GIÁC NGUYÊN HIỆU ĐỈNH.
QUÝ PHẬT TỬ TẠM THỜI CÓ THỂ DÙNG LÀM
TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU CHO RIÊNG MÌNH.
XIN TRÁNH IN ẮN PHỔ BIẾN.**

WWW.TOAIKHANH.COM

toaikhanh.com